

Số: 49/2022/QĐST-DS

Chư Pưh, ngày 04 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 275/2020/TLST – DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 và thông báo thụ lý bổ sung số 275a/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” và “*Đòi lại tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1972 và bà Trần Thị M, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Plei Phung, xã IP, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn Plei Phung, xã IP, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L: Ông Vũ Đình K – Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quyền sử dụng đất, số tiền hỗ trợ và phương thức thanh toán:

Bà Nguyễn Thị L đồng ý giao cho ông Hoàng Văn N và bà Trần Thị M được toàn quyền sử dụng các thửa đất số 95, 101 và 102, thuộc tờ bản đồ số 58, tại thôn Plei Phung, xã IP, huyện CP, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 447020 do UBND huyện CP, tỉnh Gia Lai cấp ngày 25/01/2011 mà gia đình bà M, ông N đã nhận chuyển nhượng vào ngày 07/7/2017. Gia đình bà M, ông N được toàn quyền sử dụng các thửa đất nói trên và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất (*Tất cả mọi tài sản trên các thửa đất số 95, 101 và 102 thuộc tờ bản đồ số 58 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông N, bà Minh*). Bà M, ông N được toàn quyền sử dụng các công trình, vật kiến trúc như nhà cửa, giếng nước, hàng rào lưới B40 và toàn bộ quyền sử dụng đất của các thửa đất số 95, 101 và 102 thuộc tờ bản đồ số 58.

Ông Hoàng Văn N và bà Trần Thị M đồng ý thanh toán (*Hỗ trợ*) cho bà L tổng số tiền là 110.000.000 đồng (*Bao gồm 52.000.000 đồng bà M, ông N giữ của bà L và 58.000.000 đồng tiền hỗ trợ cho bà L để chấm dứt hành vi tranh chấp*). Bà M, ông N đã thanh toán cho bà L số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền 10.000.000 đồng còn lại, vợ chồng bà M, ông N cam kết sẽ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L vào ngày 06/5/2022.

2.2. Về án phí:

- Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với số tiền bà M, ông N có trách nhiệm thanh toán cho bà L là 10.000.000 đồng vào ngày 06/5/2022. Bà L tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 250.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.025.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 000558 ngày 13/8/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 775.000 đồng (*Bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

Ông Hoàng Văn N và bà Trần Thị M tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000666 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Trả lại cho ông Hoàng Văn N và bà Trần Thị M số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 7.850.000 đồng (*Bảy triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000666 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Hoàng Văn N và bà Trần Thị M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Bà M, ông N đã nộp đủ số tiền trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Ngọc Trung